

BIỂU THỐNG KÊ

Các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXX của UBND xã Đăk Pék)

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Kế hoạch số 106/KH-UBND	15/4/2025	Triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu về phát triển thanh niên năm 2025 trên địa bàn huyện Đăk Glei	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei (cũ)	Phòng Nội vụ	Huyện đoàn, các phòng ban thuộc UBND huyện Đăk Glei (cũ)	
2	Công văn số 414/UBND-NV	26/2/2025	Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác thanh niên năm 2025	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei (cũ)	Phòng Nội vụ	Huyện đoàn, các phòng ban thuộc UBND huyện Đăk Glei (cũ)	

Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên

(Kèm theo Công văn số 7/UBND-VHXH của UBND xã Đắk Pék)

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu của Chiến lược	Kết quả thực hiện chỉ tiêu Chương trình phát triển thanh niên của bộ, ngành, địa phương							CQ, ĐV chủ trì thực hiện	CQ, ĐV phối hợp thực hiện	Ghi chú
			Chỉ tiêu đề ra		Kết quả thực hiện		So sánh kết quả với chỉ tiêu đề ra (%)					
			Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)	Chưa đạt	Đạt	Vượt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Mục tiêu 1: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên											
1	Thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	100%		100		100				Huyện đoàn, các phòng chuyên môn và cơ quan đơn vị thuộc UBND huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 106/KH-UBND
2	Thanh niên là học sinh, học viên được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh.	100%		100		100				Ban Chỉ huy quân sự huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
3	Thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh.	75%		75		100				Ban Chỉ huy quân sự huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
4	Thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.	70%		70		100				Phòng Tư pháp huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
II	Mục tiêu 2: Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo											

[illegible]

1	90% thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm.	90%		90		60				Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	Đã tư vấn hướng nghiệp cho 1500 lượt thanh thiếu niên.
2	60% thanh niên được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ.	60%		60		10				Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	Tổ chức 03 lớp đào tạo nghề cho hơn 100 học viên
3	Ít nhất 170 thanh niên được giải quyết việc làm.	170 người		170		100				Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
4	Dưới 15% thanh niên ở đô thị thất nghiệp.	15%		15		0					UBND xã Đắk Pék	
5	Dưới 10% thanh niên ở nông thôn thiếu việc làm.	10%		10		100				Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
6	Ít nhất 70% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm buôn bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng.	70%		70		0				Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
7	Trên 50% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo việc làm ổn định.	5000%		50		50				Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	

IV	Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao											
1	Trên 70% thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS (trong đó: 1.1; 1.2):	70%		70		100				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
2	Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đạt 100%	100%		100		100				Phòng Giáo dục và Đào tạo; các đơn vị trường trên địa bàn huyện, cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện; Phòng Nội vụ huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
3	Tỷ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt trên 90%	90%		90		0				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
4	Trên 60% thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.	60%		60		100				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
5	Trên 70% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn .	70%		70		100				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
6	Trên 70% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.	70%		70		100				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	

7	100% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế.	100%		100		100				Phòng Giáo dục và Đào tạo; các đơn vị trường trên địa bàn huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
8	100% thanh niên là học sinh, sinh viên được chăm sóc sức khỏe ban đầu.	100%		100		100				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
9	Trên 80% thanh niên công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ.	80%		80		0				Phòng Y tế huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	Trên địa bàn xã không có khu công nghiệp
V	Mục tiêu 5: Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên											
1	60% thanh niên là đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú.	60%		60		100				Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
2	Ít nhất 50% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số.	50%		50		0				Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	
VI	Mục tiêu 6: Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc											
1	100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ.	100%		100		100				Ban Chỉ huy quân sự huyện Đắk Glei (cũ)	UBND xã Đắk Pék	

2	20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp phòng và tương đương.	20%		20		100				Các phòng, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các đơn vị, địa phương	UBND xã Đắk Pék	
---	---	-----	--	----	--	-----	--	--	--	---	-----------------	--

BIỂU THÔNG KÊ

Tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXXH của UBND xã Đăk Pék)

I. TẬP THỂ

STT	Tên cơ quan, đơn vị được giao chủ trì (thống kê đến cấp vụ, cấp phòng)	Khái quát chức năng, nhiệm vụ	Dự kiến phương án phân công trong thời gian tới (đối với địa phương)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phòng Văn hoá - Xã hội	Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án phát triển thanh niên tại địa phương; Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên; Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên; Thực hiện công tác thống kê, quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định, chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên trên địa bàn.		X	

II. CÁ NHÂN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác (đối với địa phương thống kê đến cấp xã)	Số năm công tác trong cơ quan	Số năm thực hiện nhiệm vụ OLN	Số điện thoại,
-----	-----------	----------------	---	-------------------------------	-------------------------------	----------------

STT	Họ và tên	sinh	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	trung cơ quan QLNN	nhệm vụ QLNN về thanh niên	email
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyễn Thành Công	01/10/1998		x	4 năm 4 tháng	0	0358.793.365

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

BIỂU TỰ CHẤM ĐIỂM

**Kết quả sơ kết thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2021 - 2025**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXX của UBND xã Đắk Pék)

Đơn vị tính: Điểm

STT	Nội dung thi đua	Điểm thi đua/điểm thành phần	Điểm cộng	Điểm trừ	Điểm tự chấm
1.	Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Chiến lược (CL), Chương trình phát triển thanh niên (CTPTTN), Kế hoạch thực hiện của bộ, ngành, địa phương	5			4
a)	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện (Nếu không tổ chức hội nghị mà chỉ triển khai bằng văn bản: 1 điểm; không tổ chức hội nghị và không có văn bản triển khai: 0 điểm)				
b)	Tổ chức phát động thi đua kịp thời, nội dung thi đua cụ thể				
c)	Tổ chức tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng				
d)	Mở chuyên mục tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng			1	
2.	Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện	10			10

a)	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, gồm: - Nghị quyết phát triển thanh niên (NQPTTN) của địa phương; - CTPTTN của bộ, ngành, địa phương; - Kế hoạch thực hiện CL, CTPTTN theo các giai đoạn (giai đoạn đến năm 2025 và 2026 - 2030); - Kế hoạch thực hiện CL, CTPTTN hằng năm (hoặc lồng ghép trong văn bản triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên hằng năm); - Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện CL, CTPTTN của bộ, ngành, địa phương; - Thành lập, kiện toàn kịp thời Ban chỉ đạo thực hiện CTPTTN của bộ, ngành, địa phương.				
b)	Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhưng chậm tiến độ (mỗi văn bản chậm tiến độ trừ 0,5 điểm)				
c)	Mỗi loại văn bản quy định tại điểm a mục này không ban hành bị trừ 1 điểm				
d)	Không ban hành văn bản nào hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện	0			
3.	Công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện	10			
a)	Thường xuyên có văn bản đôn đốc, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế việc thực hiện CL, CTPTTN của các cơ quan, đơn vị liên quan (tối thiểu 1 năm/1lần)				
b)	Có văn bản đôn đốc, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế việc thực hiện CL, CTPTTN nhưng không thường xuyên				
c)	Không có văn bản đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thực tế việc thực hiện CL, CTPTTN				
4.	Công tác chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện CL, CPTTTN	10			10

a)	Phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp cụ thể và rõ trách nhiệm				
b)	Có phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện CL, CTPTTN nhưng còn chung chung, chưa rõ trách nhiệm				
c)	Có phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện CL, CTPTTN nhưng chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được phân công				
d)	Không phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và trách nhiệm thực hiện CL, CTPTTN				
5.	Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2025	20			15
a)	100% chỉ tiêu phát triển thanh niên đạt kế hoạch				
b)	Mỗi chỉ tiêu vượt kế hoạch được cộng 1 điểm (điểm cộng không quá 10 điểm)				
c)	Mỗi chỉ tiêu không đạt kế hoạch bị trừ 1 điểm (điểm trừ không quá 10 điểm)				
6.	Kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phát triển thanh niên	20			20
a)	Ban hành 100% nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao và triển khai thực hiện đúng tiến độ, chất lượng				
b)	Mỗi nhiệm vụ, chương trình, đề án được ban hành vượt tiến độ được cộng 2 điểm (điểm cộng không quá 10 điểm)				
c)	Mỗi nhiệm vụ, chương trình, đề án chậm tiến độ bị trừ 2 điểm (điểm trừ không quá 10 điểm)				
d)	Mỗi nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án chưa ban hành bị trừ 3 điểm (điểm trừ không quá 15 điểm)				

7.	Công tác bố trí nguồn lực thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển thanh niên	10		8
a)	Có bố trí nguồn kinh phí riêng để thực hiện CL, CTPTTN			
b)	Không bố trí nguồn kinh phí riêng để thực hiện CL, CTPTTN mà lồng ghép thực hiện nhiệm vụ khác của cơ quan, đơn vị		2	
c)	Không bố trí kinh phí thực hiện CL, CTPTTN và không lồng ghép được vào nhiệm vụ nào			
8.	Tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển thanh niên của bộ, ngành, địa phương	10		10
a)	Có văn bản triển khai, hướng dẫn; tổ chức Hội nghị hoặc sơ kết bằng văn bản, bảo đảm nội dung, chất lượng và đúng tiến độ			
b)	Có tổ chức sơ kết và báo cáo bằng văn bản nhưng không bảo đảm nội dung hoặc chậm tiến độ			
c)	Không tổ chức sơ kết và không gửi báo cáo về Bộ Nội vụ			
9.	Chế độ thông tin, báo cáo	5		5
a)	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hằng năm đầy đủ, kịp thời, đúng quy định			
b)	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hằng năm đầy đủ nhưng còn chậm tiến độ			
c)	Không thực hiện chế độ, thông tin, báo cáo hằng năm theo quy định			
Tổng số điểm các nội dung thi đua		100		82